

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HSST
Ngày 18-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lê Khắc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Bạch Đình Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Thị B**, sinh năm 1979 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 02/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Ngh (đã chết) và bà Huỳnh Thị Ng (sinh năm 1953); có chồng là Phạm Văn Ph (sinh năm 1975) và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn M1, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Chị Dương Thị Thùy V, sinh năm 1983; chị Bùi Thị Luyện, sinh năm 1979, cùng địa chỉ: Bon M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Bà Hứa Tú Ph; sinh năm 1969; địa chỉ: Số 24, đường M, phường N, Q. P, TP. HCM. Vắng mặt

- Chị Ngô Thị Thảo Ph, sinh năm: 1987; địa chỉ: 46, đường M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
- Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 1, ngõ 773, đường M, tổ 11, phường N, quận P, thành phố Hà Nội.
- Ông Phạm Văn Ph, sinh năm: 1975 (có mặt); anh Vũ Xuân Th, sinh năm: 1983 (vắng mặt); cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông.
- Bà Hứa Tú K, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn M2, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt
- Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1969; địa chỉ: Bon M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt
- Chị Phạm Thị Ngọc B, sinh năm: 1995, anh Trịnh Xuân H, sinh năm: 1989, bà Phạm Thị Kh, sinh năm: 1967, chị Phạm Thị Th, sinh năm: 1976, anh Phan Văn H, sinh năm: 1987, anh Đoàn Trí Q, sinh năm: 1984 và bà Phạm Thị Nguyệt Ng sinh năm: 1968; cùng địa chỉ: Bon M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt
- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1979, chị Lê Thị D, sinh năm: 1977 và chị Ngô Thị Thúy V, sinh năm: 1983; cùng địa chỉ: Bon M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt
- Chị Đặng Thị S, sinh năm: 1977; địa chỉ: Bon M1, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Võ Thị B cùng chồng là Phạm Văn Ph (*sinh năm 1975*) có mua và thuê lại một số thửa đất trên địa bàn huyện Đắk Glong để ở và sản xuất nông nghiệp nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*GCN QSDĐ*). Khoảng giữa năm 2021, B thấy các trang quảng cáo về dịch vụ làm giả giấy tờ, GCN QSDĐ trên mạng xã hội facebook nên nảy sinh ý định làm GCN QSDĐ giả cho các thửa đất của mình.

Giữa tháng 9/2021, thông qua mạng xã hội facebook, B liên hệ, thỏa thuận với một đối tượng (*tự xưng tên là “Hùng”, chưa xác định được nhân thân, lai lịch; sử dụng số điện thoại 0799.349.972, zalo tên “Bình Minh ơi”; số tài khoản ngân hàng MB bank 6488.8886.8868, mang tên Trần Bảo Nhất và 3263.5555.5678 mang tên Bé Ích Kiên*) đặt làm giả 02 GCN QSDĐ cho 02 mảnh đất của gia đình B tại thôn 3, xã Quảng Khê, với giá 20.000.000 đồng/ hecta, thời gian làm và giao GCN QSDĐ là khoảng 01 tuần. Sau đó, B gửi các thông tin cá nhân (*hình ảnh căn cước công dân/ CMND, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú...*), thông tin về thửa đất (*quyết định giao khoán đất, sơ đồ thửa đất, đơn xin giao khoán đất...*), thông tin cần làm trên GCN QSDĐ (*diện tích đất nông nghiệp, diện tích đất thổ cư, cây trồng trên đất...*) qua zalo “*Bình Minh ơi*” và chuyển tiền vào số tài khoản 6488.8886.8868.

Đến ngày 07/10/2021, nhân viên giao hàng (*không nhớ tên công ty*) đến nhà, giao cho B 02 GCN QSDĐ giả (*số CR 897.645 do Sở Tài nguyên và môi trường*

tỉnh Đắk Nông cấp ngày/...../2021 (để trống); số CR 897.645 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/10/2021, cùng mang tên Võ Thị B). Thấy GCN QSDĐ giả đặt làm có kiểu dáng, hình thức giống như GCN QSDĐ thật do Cơ quan nhà nước cấp nên từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2022, B tiếp tục liên hệ qua zalo “Bình Minh ơi”, đặt làm thêm 11 GCN QSDĐ giả cho các lô, thửa đất mà gia đình B đang thuê hoặc đã mua lại tại địa bàn xã Quảng Khê, Đắk Plao, Đắk Ha, có đặc điểm cụ thể như sau:

1. GCN QSDĐ số CP 975.997 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02/8/2021 *(có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông)*; số vào sổ cấp GCN:.....(để trống). người sử dụng đất: Bà Võ Thị B *(sinh năm 1979; CCCD số 0751.7900.8282, địa chỉ thường trú: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai)*; Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Thôn 3, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong; diện tích 110.000m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/9/2070; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không cần thu tiền sử dụng đất; Cây lâu năm: Loại cây cà phê, diện tích 110.000 mét vuông, hình thức sở hữu: Sở hữu riêng....

2. GCN QSDĐ số BU 220.865 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 15/10/2021 *(có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông)*; số vào sổ cấp GCN: CS 01820; người sử dụng đất bà Võ Thị B *(sinh năm 1979; CCCD số 0751.7900.8282, địa chỉ thường trú: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai)*; Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 8, diện tích 14.000m²; địa chỉ: Thôn 11, Đắk Lang, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; Diện tích: 14.000m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3. GCN QSDĐ số DA 180.577 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 22/11/2021 *(có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông)*; số vào sổ cấp GCN: CS 07880; người sử dụng đất: bà Võ Thị B, sinh năm 1979, CMND số 271.374.927, địa chỉ thường trú: Thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; thửa đất số 217, tờ bản đồ số 43, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, diện tích 360m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 200m², đất trồng cây lâu năm 160m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài; đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến 31/12/2057; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu

tiền sử dụng đất 200m², Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 160m².

4. GCN QSDĐ số CR 897.482 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 28/12/2021 (*có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông*); số vào sổ cấp GCN: CS 05887; người sử dụng đất: bà Võ Thị B, sinh năm 1979, CMND số 271.374.927, địa chỉ thường trú: Thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê, Đắk Glong, Đắk Nông; thửa đất số 121, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, diện tích 250.000m²; Hình thức sử dụng: riêng 250.000m²; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời gian sử dụng: Đến ngày 31/12/2071; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

5. GCN QSDĐ số CR 897.649 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày...tháng...năm 2021 (*chưa có ngày, tháng và có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông*); số vào sổ cấp GCN: CS 05887. Người sử dụng đất: ông Vũ Xuân Th (*Sinh năm 1983, CMND 245.315.319, địa chỉ thường trú: Thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, Đắk Nông*) và bà Võ Thị B (*Sinh năm 1979; CMND số 271.374.927, địa chỉ thường trú: Thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, Đắk Nông*). Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Thôn 5, xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; diện tích 250.000m²; Hình thức sử dụng: Riêng 250.000m²; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 31/12/2071; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

6. GCN QSDĐ số DĐ 154.624 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 01/01/2022 (*có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*); Số vào sổ cấp GCN: CS 17564. Người sử dụng đất: bà Võ Thị B (*Sinh năm 1979; CCCD số 0751.7900.8282, địa chỉ thường trú: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai*). Thửa đất số 632, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Thôn 11, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 9.613,7m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến năm 2072; Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

7. GCN QSDĐ số CR 897.645 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02/3/2022 (*có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*); Số vào sổ cấp GCN: 67889. Người sử dụng đất: bà Võ Thị B (*Sinh năm 1979; CCCD số 0751.7900.8282, địa chỉ thường trú: Ấp Phú Cường, xã Phú*

Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai). Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 23; địa chỉ: Thôn Đắc Glang, xã Quảng Khê, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông; diện tích 80.000m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến tháng 12/2071; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

8. GCN QSDĐ số CR 897.465 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắc Nông cấp ngày 01/9/2022 (có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắc Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắc Nông); Số vào sổ cấp GCN: CH 197456. Người sử dụng đất: bà Võ Thị B (Sinh năm 1979; CCCD số 0751.7900.8282, địa chỉ thường trú: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai). Thửa đất số 652, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: Thôn 8, Quảng Long, Đắc Glong, Đắc Nông; Diện tích 1.120m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 100 mét vuông, đất trồng cây lâu năm 1.020m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: lâu dài; đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2064; Nguồn gốc sử dụng: Đất được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 100m²; Đất được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 1.020m².

9. GCN QSDĐ số ĐĐ 154.624 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắc Nông cấp ngày 01/9/2022 (có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắc Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắc Nông); Số vào sổ cấp GCN: CH 197.438. Người sử dụng đất: bà Võ Thị B (Sinh năm 1979; CCCD số 0751.7900.8282, địa chỉ thường trú: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai). Thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5; địa chỉ: Thôn 8, Quảng Long, Đắc Glong, Đắc Nông; diện tích 2.100m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn: 100m², đất trồng cây lâu năm 2.000m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2064; Nguồn gốc sử dụng: Được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 100m², Đất được nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 2.000m².

10. GCN QSDĐ số DA 309.388 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắc Nông cấp ngày 22/09/2022 (có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắc Nông); Số vào sổ cấp GCN:...(để trống). Người sử dụng đất: bà Võ Thị B (Sinh năm 1979; CCCD số 0751.7900.8282, địa chỉ thường trú: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai). Địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Quảng Khê, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông. Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 12, diện tích 100.000m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 01/10/2070; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền

sử dụng đất; Cây lâu năm: Loại cây cà phê, diện tích 100.000m², hình thức sở hữu: sở hữu riêng.

11. GCN QSDĐ số DD 645.216 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 08/11/2022 (có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông); Số vào sổ cấp GCN: A128.472. Người sử dụng đất: bà Võ Thị B (Sinh năm 1979; CCCD số 0751.7900.8282, địa chỉ thường trú: Ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai). Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 16.963,6m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến 08/11/2072; Nguồn gốc sử dụng: Đất được nhà nước công nhận là đất rừng sản xuất chuyển đổi qua đất trồng cây lâu năm.

Quá trình làm GCN QSDĐ giả, B thấy nhiều người dân trên địa bàn có nhu cầu nên B nảy sinh ý định nhận làm GCN QSDĐ với giá 25.000.000 đồng - 30.000.000 đồng/ hecta rồi gửi cho “Hùng” làm để hưởng chênh lệch.

Cuối tháng 9/2021, B nói cho bà Hứa Tú K (sinh năm 1963; có rẫy ở gần rẫy của B và thường xuyên qua lại, nói chuyện với B) về việc nhờ người trên mạng xã hội làm GCN QSDĐ và thuyết phục bà K cùng đặt làm GCN QSDĐ hoặc nếu có ai muốn làm GCN QSDĐ thì giới thiệu cho B. Tin tưởng B làm được GCN QSDĐ thật nên bà K đồng ý, nhờ B làm 01 GCN QSDĐ cho thửa đất diện tích 10 hecta ở thôn 4, xã Đắk Plao mang tên Hứa Tú K và Hứa Tú Ph (em gái bà K), và 02 GCN QSDĐ cho thửa đất diện tích 20 hecta ở thôn Tân Tiến, xã Quảng Khê mang tên Hứa Tú K. Bà K gửi hình ảnh các giấy tờ liên quan đến thông tin thửa đất (Giấy chuyển nhượng, hồ sơ giao khoán...), thông tin cá nhân (Căn cước công dân, giấy xác nhận số chứng minh nhân dân...) của bà K và bà Hứa Tú Ph (sinh năm 1969, trú tại: Số 32A, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh) qua zalo của B. Từ ngày 24/9/2021 đến ngày 10/10/2021, bà K nhờ bà Ph chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng VP bank 4523.4568 đến tài khoản Ngân hàng MB Bank số 9704.2292.0467.5169.917 mang tên Võ Thị B tổng số tiền 395.000.000 đồng để làm GCN QSDĐ.

Đồng thời, bà K còn kể lại việc B có mối quan hệ, có thể làm được GCN QSDĐ rồi nhận thông tin cá nhân, thông tin thửa đất và tiền của một số người quen biết trên địa bàn huyện để chuyển cho B nhờ làm GCN QSDĐ. Trong đó:

1. Anh Vũ Xuân Th (sinh năm 1979; trú tại: thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê) đặt làm GCN QSDĐ cho thửa đất số 03, tờ bản đồ số 41, diện tích 01 hecta, tại thôn Đắk Lang với số tiền 30.000.000 đồng. Đến đầu tháng 02/2022, B nhận được GCN QSDĐ mang tên Vũ Xuân Th do “Hùng” gửi đến, có đặc điểm: GCN QSDĐ số CR 897.487 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 28/12/2021 (có

ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông); số vào sổ cấp GCN: CS 05686. Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 26; địa chỉ: Thôn 5, xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Diện tích 10.000m²; Hình thức sử dụng: riêng 10.000m²; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 31/12/2071; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Khi bà K đưa GCN QSDĐ đến cho anh Th thì phát hiện ghi sai địa chỉ thửa đất (đất ở thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê nhưng trên GCN QSDĐ ghi thôn 5, xã Đắk Ha) nên đưa lại cho B để chỉnh sửa. Tuy nhiên, B không gửi sửa mà giữ lại GCN QSDĐ nêu trên và báo không làm được GCN QSDĐ rồi đưa tiền cho bà K để trả lại cho anh Th.

2. Ông Ngô Văn Công (sinh năm 1954; tạm trú: thôn 9, xã Quảng Khê; hiện đã chết) đặt làm GCN QSDĐ mang tên con gái là Ngô Thị Thảo Ph đối với thửa đất diện tích 03 hecta nhận giao khoán ở khoảnh 2, tiểu khu 1796, thuộc thôn Tân Tiến, xã Quảng Khê, với số tiền 70.000.000 đồng.

Đến đầu năm 2022, B nhận được GCN QSDĐ mang tên Ngô Thị Thảo Ph do “Hùng” gửi tới, có đặc điểm: GCN QSDĐ số CR 897.642 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/12/2021 (có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông); Số vào sổ cấp GCN: CH 05359. Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 43; địa chỉ: Thôn 8, Quảng Khê, Đắk Glong, Đắk Nông; diện tích 30.000m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến tháng 12/2071; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Biết GCN QSDĐ là giả và thấy địa chỉ thửa đất ghi trên GCN QSDĐ không đúng nên B giữ lại và đưa tiền cho bà K để trả lại cho ông Công.

Ngoài ra, bà K còn kể với bà Nguyễn Thị Nh (sinh năm 1969, trú tại: thôn 5, xã Quảng Khê; có rẫy ở cạnh rẫy bà K) về việc B có quen biết người có thể làm GCN QSDĐ với giá 25 – 30.000.000 đồng/ hecta, nếu không làm được sẽ trả lại tiền.

Khoảng tháng 10/2021, bà Nh và anh họ là ông Nguyễn Thành Thạo gửi thông tin cá nhân của bà Nh, ông Thạo, anh Nguyễn Văn Kiêm (sinh năm 1991, trú tại: thôn Thanh Huệ Trại, xã Đức Hòa, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội), Nguyễn Đức Nam (sinh năm 1993; trú tại: bon Sa Diêng, xã Quảng Khê; là con trai bà Nh) và giao số tiền 960.000.000 đồng cho bà K để đặt làm 03 GCN QSDĐ cho thửa đất có diện tích 46 hecta nằm ở khoảnh 7, tiểu khu 1799, thuộc thôn Tân Tiến, xã Quảng Khê. Bà K chuyển thông tin cho B để làm GCN QSDĐ nhưng quá trình

làm có nhiều sai sót nên B không làm được GCN QSDĐ và trả lại tiền cho ông Thao.

Cuối tháng 10/2021, bà Nh cùng anh Nguyễn Văn Diện (*sinh năm 1979; trú tại: bon Ka La Dạ, xã Quảng Khê*), chị Lê Thị Dân (*sinh năm 1977; trú tại: bon R'Dạ, xã Quảng Khê*) gửi thông tin cá nhân, thông tin thửa đất và số tiền 60.000.000 đồng cho bà K để chuyển lại cho B nhờ tách thửa đất 03 người mua chung ở thôn Quảng Long, xã Quảng Khê.

Đầu năm 2022, “Hùng” gửi cho B 01 GCN QSDĐ mang tên Lê Thị Dân, có đặc điểm: GCN QSDĐ số CP 975.799 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 03/7/2022 (*có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*); Số vào sổ cấp GCN: CH.....(*để trống*). Thửa đất số 652, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: Thôn 8, Quảng Long, Đắk Glong, Đắk Nông; diện tích: 1.120m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 100m², Đất trồng cây lâu năm 1.020m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2064; Nguồn gốc sử dụng: Đất được Nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 100m², Đất được Nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 1.020m².

Biết GCN QSDĐ là giả nên B giữ lại. Cuối tháng 01/2022, B nói không thực hiện được việc tách thửa và đưa tiền cho bà K trả lại cho bà Nh anh Diện, chị Dân.

Sau khi biết được thông tin B có mối quan hệ, có thể làm được GCN QSDĐ và thấy nhiều người dân trên địa bàn xã Quảng Khê cần làm GCN QSDĐ nên bà Nh trao đổi với bà K về việc sẽ nhận hồ sơ và tiền của người có nhu cầu đưa cho bà K để chuyển cho B gửi làm. Bà K trao đổi lại thì B đồng ý.

Khoảng cuối năm 2021, anh Phan Văn Huy (*sinh năm 1987; trú tại: bon Sa Diêng, xã Quảng Khê*) gửi thông tin cá nhân (*CCCD của anh Huy và em gái là Phan Thị Cao Nguyên*), thông tin thửa đất (*giấy tờ mua bán, xác định nguồn gốc đất...*) và số tiền 190.000.000 đồng để đặt làm 02 GCN QSDĐ cho thửa đất diện tích 08 hecta tại thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê. Đến tháng 02/2022, “Hùng” gửi cho B 01 GCN QSDĐ có đặc điểm: GCN QSDĐ số CR 897.641 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/12/2021 (*có ghi tên, chữ ký của ông Lê Duy Tú - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*); Số vào sổ cấp GCN: CH 183.16. Người sử dụng đất: ông Phan Văn Huy (*Sinh năm 1987; CMND số 245.248.417; địa chỉ: Thôn Đắk Glang, xã Quảng Khê, Đắk Glong, Đắk Nông*). Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 22; địa chỉ: địa chỉ: Thôn 11, xã Quảng Khê, Đắk Glong, Đắk Nông; diện tích 80.000m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến tháng 12/2071; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước

công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Biết GCN QSDĐ là giả và thông tin có nhiều sai sót nên B giữ lại và báo không làm được GCN QSDĐ rồi đưa tiền cho bà K để đưa cho bà Nh trả lại cho anh Huy.

Quá trình nhờ B làm GCN QSDĐ, bà Nh kể cho con nuôi là Phạm Thị Ngọc B (*sinh năm 1995, trú tại: bon Ka Nur, xã Quảng Khê*) biết. Chị Ngọc B kể lại cho một số người quen biết và nhận tiền, thông tin cá nhân, thông tin thửa đất của 03 người dân rồi giao cho bà Nh để chuyển cho bà K gửi cho B đặt làm GCN QSDĐ, trong đó:

Anh Trịnh Xuân H (*sinh năm 1989; trú tại: Thôn 3, xã Quảng Khê*) đặt làm 01 GCN QSDĐ mới cho khu đất 3,8 hecta ở thôn 9, xã Quảng Khê với số tiền 70.000.000 đồng. “Hùng” gửi về cho B một GCN QSDĐ mang tên Trịnh Xuân H nhưng do có nhiều lỗi sai, “Hùng” yêu cầu B xé rách GCN QSDĐ nêu trên. Sau đó, B nói lại với bà K không làm được GCN QSDĐ và đưa tiền cho bà K để trả lại cho bà Nh, bà Nh đã trả lại cho chị Ngọc B để trả cho anh H.

Bà Phạm Thị Khen (*sinh năm 1967, trú tại: Bon Ka Nur, xã Quảng Khê; là mẹ đẻ chị Ngọc B*), Phạm Thị Thơm (*sinh năm 1976, là em gái bà Khen*) gửi thông tin và đưa số tiền 50.000.000 đồng để đặt làm 02 GCN QSDĐ nhưng Võ Thị B không làm được và đã trả lại tiền.

Khoảng giữa tháng 4/2022 Võ Thị B gặp, nói chuyện với anh Đ Trí Quang (*sinh năm 1984; trú tại: bon Ka Nur, xã Quảng Khê*) về việc nhận làm GCN QSDĐ cho thửa đất diện tích 1,5 hecta ở thôn Đắc Lang với giá tiền 50.000.000 đồng. Anh Quang gửi trước hình ảnh CCCD, trích lục thửa đất cho B, hẹn giao giấy tờ và tiền sau.

Đầu tháng 5/2022, B nhận được 02 GCN QSDĐ mang tên Đ Trí Quang, Phạm Thị Nguyệt Nga (*vợ anh Quang*) có đặc điểm:

- GCN QSDĐ số CX 603.182 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 21/04/2022 (*có ghi tên, chữ ký của ông Ngô Chí Trung - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*); Số vào sổ cấp GCN: CS 01696. Người sử dụng đất là bà Phạm Thị Nguyệt Nga (*Sinh năm 1986; CCCD số: 0681.8600.0858. Địa chỉ thường trú: Bon Ka Nur, xã Quảng Khê, huyện Đắc Glong, Đắk Nông*). Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 412; địa chỉ: Thôn 11, xã Quảng Khê, Đắc Glong, Đắk Nông; diện tích 9613,7m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến tháng 04/2072; Nguồn gốc sử dụng:

Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- GCN QSDĐ số CX 603.162 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 21/04/2022 (có ghi tên, chữ ký của ông Ngô Chí Trung - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông; đóng dấu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông); Số vào sổ cấp GCN: CS 01682. Người sử dụng đất là ông Đ Trí Quang (Sinh năm 1984, CCCD số 0680.8400.0691; địa chỉ thường trú: Bon Ka Nur, Quảng Khê, Đắk Glong, Đắk Nông). Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 412; địa chỉ: Thôn 11, xã Quảng Khê, Đắk Glong, Đắk Nông; diện tích 5684,5m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến tháng 04/2072; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Ngày 23/5/2022, anh Quang mang giấy tờ và số tiền 25.000.000 đồng tới nhà B, yêu cầu làm 02 GCN QSDĐ đều mang tên Đ Trí Quang và Phạm Thị Nguyệt Nga. B nhận tiền, hẹn trong 06 tháng sẽ giao GCN QSDĐ. Tuy nhiên, sau đó B không làm được GCN QSDĐ theo yêu cầu của anh Quang. Đến tháng 6/2023, B đã trả lại cho anh Quang số tiền 25.000.000 đồng.

Sau khi nhận được các GCN QSDĐ giả, B nhiều lần sử dụng để thế chấp, vay tiền của chị Dương Thị Thùy V (sinh năm 1983), Bùi Thị Luyến (sinh năm 1979; cùng trú tại: bon Ka Nur, xã Quảng Khê) và bà Trần Thị Đ (sinh năm 1967, trú tại: thôn Quảng Long, xã Quảng Khê). Cụ thể như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, mua bán hàng với nhau nên B thường hỏi vay mượn tiền và nhận giao khoán diện tích đất 04 hecta của chị Bùi Thị Luyến để đầu tư làm ăn. Các lần vay tiền B đều thanh toán đầy đủ, đúng hạn. Ngày 16/6/2022, B mang GCN QSDĐ giả số DA 180.577 đến hỏi vay tiền chị Luyến nhưng do hết tiền nên chị Luyến giới thiệu B đến vay tiền của chị Dương Thị Thùy V. Sau khi xem GCN QSDĐ mà B mang theo, chị V đồng ý cho vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1.000 đồng/ triệu/ ngày, yêu cầu B để lại GCN QSDĐ cho chị V giữ. B đã trả đủ tiền gốc lãi của khoản vay nêu trên theo đúng thỏa thuận. Sau đó, B nhiều lần vay thêm tiền của chị V mà không cần thế chấp tài sản. Đến ngày 04/7/2023, hai bên thống nhất chốt các khoản vay, lập thành giấy vay tổng số tiền 4.900.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 04 tháng, nếu không trả tiền thì chị V thu hoạch hoa lợi trên đất rẫy và B sẽ bán rẫy, nhà cửa để trả cho chị V. Quá trình vay tiền, B đã chuyển khoản, trả cho chị V được số tiền hơn 900.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Đến giữa tháng 12/2023, B thừa nhận với chị V về việc làm ăn thua lỗ, vay tiền nhiều người nên chưa có tiền trả; GCN QSDĐ đưa cho chị V giữ là giả, B sẽ đến Công an đầu thú và đề nghị chị V giao nộp lại GCN QSDĐ giả

nêu trên. Ngày 18/12/2023, chị V giao nộp GCN QSDĐ giả số DA 180.577 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong.

Khoảng tháng 7/2022, B được chị Ngô Thị Thúy V (*tên gọi khác: Tư cá; sinh năm 1983; trú tại: thôn 6, xã Quảng Khê*) giới thiệu đến gặp bà Đ để vay số tiền 360.000.000 đồng bằng hình thức vay trả góp theo ngày, không thế chấp tài sản. Sau khi thanh toán khoản vay góp, B tiếp tục hỏi vay tiền bà Đ để đầu tư sản xuất nông nghiệp và kinh doanh bất động sản. Hai bên thống nhất lãi suất giao động từ 2.000 đồng – 30.000 đồng/ 01 triệu/ ngày, 10 ngày trả lãi một lần, mỗi lần thu lãi thì bà Đ sẽ tính toán, ghi số tiền lãi phải trả vào một mảnh giấy rồi đưa cho B giữ. Mỗi lần vay tiền, B không thế chấp tài sản và vẫn trả tiền lãi, một phần tiền gốc cho bà Đ theo thỏa thuận bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Khi B không có tiền trả lãi thì bà Đ yêu cầu B viết giấy vay tiền, cộng dồn vào tổng số tiền còn nợ trước đó nhưng bà Đ chỉ giao cho B số tiền còn lại sau khi đã trừ số tiền lãi phải trả và số tiền B cho thêm.

Đến khoảng cuối tháng 11/2022, thấy số tiền cho B vay đã nhiều mà không có tài sản thế chấp nên bà Đ yêu cầu nếu B có giấy tờ hoặc GCN QSDĐ thì đưa cho bà Đ giữ làm tin. Do đó, B đã đưa cho bà Đ 12 GCN QSDĐ giả (*cùng mang tên Võ Thị B*) và 01 GCN QSDĐ thật số DA 180567 (*thửa đất số 217, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: thôn Đắk Lang, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 1.019,6m² mà gia đình B đang ở*) và nói bà Đ tự ghi thêm nội dung thế chấp GCN QSDĐ vào các giấy vay tiền đã ký trước đó.

Đến cuối tháng 12/2022, bà Đ yêu cầu B ra Văn phòng công chứng Ngô Thị Sương (*địa chỉ: bon Ka La Dạ, xã Quảng Khê*) để công chứng, sang tên các GCN QSDĐ nhưng B chưa đi. Bà Đ tiếp tục yêu cầu B đưa thêm GCN QSDĐ để đảm bảo cho số tiền đã vay thì B đưa 06 GCN QSDĐ giả (*mang tên Đ Trí Quang, Phạm Thị Nguyệt Nga, Lê Thị Dân, Vũ Xuân Th, Phan Văn Huy, Ngô Thị Thảo Ph*) cho bà Đ giữ.

Ngày 14/01/2023, bà Đ tiếp tục yêu cầu B và anh Ph đến Văn phòng công chứng Ngô Thị Sương làm thủ tục công chứng, sang tên các GCN QSDĐ cho bà Đ để đảm bảo việc trả nợ. Tại đây, Công chứng viên nghi ngờ các GCN QSDĐ là giả và thông báo cho bà Đ biết. Tuy nhiên, Võ Thị B giải thích đây là GCN QSDĐ đặt làm online trong thời gian chờ GCN QSDĐ chính thức và đề nghị bà Đ tạo điều kiện để B có thời gian trả lại tiền gốc và tiền lãi thì bà Đ đồng ý. Sau đó, hai bên ký và công chứng 03 Hợp đồng cho vay tiền với tổng số tiền B và anh Ph vay bà Đ là 50.660.000.000 đồng. Tiếp đó, vào các ngày 22/02/2023, 21/3/2023, bà Đ và B lập thêm 02 giấy vay với số tiền lần lượt là 3.500.000.000 đồng, 2.700.000.000 đồng. Sau khi ký các Hợp đồng, giấy vay tiền, B vẫn thường xuyên trả tiền cho bà Đ cho đến ngày 15/12/2023 bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền

mặt. Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng, tin nhắn giữa B với bà Đ thể hiện B đã chuyển khoản trả trả cho bà Đ tổng số tiền hơn 9.500.000.000 đồng.

Trước đó, vào khoảng cuối tháng 11/2022, B đến gặp bà Đ xin rút lại 02 GCN QSDĐ giả số CP 975.997 (do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02/8/2021; số vào sổ cấp GCN:.....(để trống); người sử dụng đất: Bà Võ Thị B...), số 897.482 (do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 28/12/2021; số vào sổ cấp GCN: CS 05887; người sử dụng đất: Bà Võ Thị B...) và 01 GCN QSDĐ thật số DA 180567 để làm thủ tục tách thửa, bán bớt đất lấy tiền trả lãi. Tuy nhiên, B không thực hiện mà thế chấp GCN QSDĐ số DA 180567 cho chị Trần Thu Kiều (sinh năm 1988; trú tại: chợ Thăng Long, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng) để vay số tiền 700.000.000 đồng. Đến tháng 3/2024, bà Đ biết việc thế chấp GCN QSDĐ nên đưa tiền để B trả tiền cho chị Kiều, lấy GCN QSDĐ về sang tên lại cho bà Đ.

Đối với 02 GCN QSDĐ giả số CP 975.997, số 897.482 thì B mang về nhà cất giữ. Đến ngày 12/3/2023, B nhờ chị Luyến chót 01 tấn cà phê để lấy tiền cho B mượn. Ngày 25/3/2023, B tiếp tục nhờ chị Luyến chót 02 tấn cà phê. Sau khi chị Luyến đã chót cà phê và đưa tiền cho mượn, chiều ngày 25/3/2023, B đưa 02 GCN QSDĐ giả nêu trên đến nhà cho chị Luyến giữ làm tin. Tiếp đó, vào các ngày 26/3/2023, 29/3/2023, 02/4/2023, 01/6/2023, B nhờ chị Luyến chót thêm tổng số 4,3 tấn cà phê để lấy tiền cho B mượn, không tính lãi suất, cam kết cuối năm 2023 sẽ trả. Tuy nhiên, đến cuối năm 2023, B không có tiền trả nên chị Luyến tạo điều kiện, cho B trả góp hàng ngày đến khi hết số nợ. Ngày 21/12/2023, chị Luyến giao nộp 02 GCN QSDĐ giả nêu trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong.

Ngày 13/9/2023, B tiếp tục đến gặp bà Đ, hỏi vay tiền để đưa chồng đi khám bệnh nhưng do không có tiền nên bà Đ dẫn B đến gặp chị Đặng Thị Sen (sinh năm 1977; trú tại: bon R'Dạ, xã Quảng Khê) để vay số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/ ngày. B đưa cho chị Sen 01 GCN QSDĐ số DB 129.256 mang tên ông Hồ Văn Long, bà Nguyễn Thị Hiền, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 21/12/2021 (là GCN QSDĐ thật, do B thỏa thuận mua lại của bà Hồ Tú K nhưng chưa sang tên). Chị Sen đã thu trước số tiền lãi 6.500.000 đồng, chuyển khoản cho B 123.500.000 đồng.

Ngày 17/12/2023, Võ Thị B đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong đầu thú về hành vi làm giả, sử dụng sổ đỏ giả để cầm cố, thế chấp vay mượn tiền.

Tại Kết luận giám định số 509/KL-KTHS ngày 28/12/2023, số 04/KL-KTHS ngày 02/01/2024, số 46/KL-KTHS ngày 15/01/2024, số 48/KL-KTHS ngày 16/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận:

+ Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 180.577 là giả và được tạo bằng Ph pháp in màu.

+ Chữ ký mang tên Lê Duy Tú trên tài liệu cần giám định được tạo ra bằng Ph pháp ký trực tiếp. So với chữ ký của Lê Duy Tú trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “*Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*” trên tài liệu cần giám định được tạo bằng Ph pháp in màu. Hình dấu màu đỏ có nội dung “*Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*” trên tài liệu cần giám định không phải là hình dấu đóng nên không tiến hành giám định so với hình dấu tròn của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông trên tài liệu mẫu so sánh.

+ Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*Ký hiệu A1, A2*) là giả và được tạo bằng Ph pháp in màu.

+ Chữ ký mang tên Lê Duy Tú trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A1, A2*) được tạo ra bằng Ph pháp ký trực tiếp. So với chữ ký của Lê Duy Tú trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1, M2*) không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “*SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐẮK NÔNG*” trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A1, A2*) được tạo bằng Ph pháp in màu. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “*SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐẮK NÔNG*” trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) không phải là hình dấu đóng nên không tiến hành giám định so với hình dấu tròn của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M3, M4, M5*).

- Đối với 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Xuân Th, Ngô Thị Thảo Ph, Phạm Thị Nguyệt Nga, Đ Trí Quang, Phan Văn Huy, Lê Thị Dân:

+ Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cần giám định (*Ký hiệu từ A1-A6*) là giả và được tạo bằng Ph pháp in màu.

+ Chữ ký mang tên Lê Duy Tú trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu từ A1 đến A4*) được tạo ra bằng Ph pháp ký trực tiếp. So với chữ ký của Lê Duy Tú trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1, M2*) không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Ngô Chí Trung trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A5, A6*) được tạo ra bằng Ph pháp ký trực tiếp. So với chữ ký của Ngô Chí Trung trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M3, M4, M5*) không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “*Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*” trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu từ A1 đến A6*) được tạo bằng Ph pháp in màu. Hình dấu màu đỏ có nội dung “*Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*” trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A*) không phải là hình dấu đóng nên không tiến hành giám định so với hình dấu tròn của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M3, M4, M5*).

- Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Xuân Th - Võ Thị B và 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều mang tên Võ Thị B:

+ Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cần giám định (Ký hiệu từ A1-A10) là giả và được tạo bằng Ph pháp in màu.

+ Chữ ký mang tên Lê Duy Tú trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A2) được tạo ra bằng Ph pháp in màu, không phải là chữ ký trực tiếp nên không tiến hành giám định so với chữ ký của Lê Duy Tú trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2).

+ Chữ ký mang tên Lê Duy Tú trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A3, A5, từ A7-A10) được tạo ra bằng Ph pháp ký trực tiếp. So với chữ ký của Lê Duy Tú trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A10) được tạo bằng Ph pháp in màu. Hình dấu màu đỏ có nội dung “Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) không phải là hình dấu đóng nên không tiến hành giám định so với hình dấu tròn của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4, M5).

Tại bản cáo trạng số 41/CTr-VKS-ĐS ngày 31/7/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã truy tố bị cáo Võ Thị B về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Võ Thị B về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 BLHS. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện VKSND huyện Đắk Glong đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; đề nghị án dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

*** Về xử lý vật chứng:** Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số seri R58M2123TC2.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong ra Quyết định xử lý vật chứng số 552/QĐ-CQĐT ngày 01/7/2024 trả lại các đồ vật, tài liệu không liên quan đến vụ án cho bà Hứa Tú K.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng tháng 9/2021 đến tháng 5/2022, Võ Thị B đã cung cấp thông tin cá nhân, thông tin thửa đất... qua mạng xã hội Zalo cho đối tượng tên “*Hùng*” đặt làm giả 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Võ Thị B, 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên một số người dân trên địa bàn xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, với giá tiền 1.092.500.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Từ tháng 6/2022 đến cuối năm 2023, Võ Thị B sử dụng 19 Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nêu trên đưa cho chị Bùi Thị Luyến, Dương Thị Thùy V, bà Trần Thị Đ giữ làm tin để thực hiện việc vay mượn tiền. HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Võ Thị B đã cấu thành tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

1. Người nào làm giả, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt

tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

.....

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;

.....;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Võ Thị B về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự biết hành vi làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vì để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội. HĐXX xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với mức độ hành vi bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khi hành vi phạm tội chưa bị phát hiện bị cáo đã ra tự thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX xét thấy cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta.

[5]. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số seri R58M2123TC2.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong ra Quyết định xử lý vật chứng số 552/QĐ-CQĐT ngày 01/7/2024 trả lại các đồ vật, tài liệu không liên quan đến vụ án cho bà Hứa Tú K.

[6]. HĐXX xét thấy bị cáo Võ Thị B ngoài hành vi mà VKS đã truy tố, bị cáo còn có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và có đồng phạm khác trong vụ án. Ngày 28/11/2024 HĐXX đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 10/2024/HSST-QĐ. Ngày 30/12/2024 VKSND huyện Đắk Glong có văn bản số 01/VKS giữ nguyên quan điểm truy tố. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 298 BLTTHS quy định về giới hạn xét xử, Tòa án chỉ xét xử những hành vi theo tội danh mà VKS truy tố.

[7]. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là cao, không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận. Đối với các đề nghị khác là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8]. Trong vụ án còn có vấn đề sau: Đối với đối tượng tên “*Hùng*” - nhận làm GCN QSDĐ giả cho Võ Thị B: quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong tiếp tục xác minh, xử lý khi có đủ căn cứ.

Đối với những người đăng ký chủ thuê bao số điện thoại 0799.349.972, số tài khoản ngân hàng MB bank 6488.8886.8868, 3263.5555.5678: quá trình điều tra điều trình bày không đăng ký, không sử dụng, không biết ai đăng ký sử dụng số điện thoại, các tài khoản nêu trên nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong tiếp tục xác minh, xử lý khi có đủ căn cứ.

Đối với Phạm Văn Ph không biết việc Võ Thị B đặt làm GCN QSDĐ giả, không biết việc B dùng GCN QSDĐ giả để vay tiền của người khác, sau khi vay tiền B mới đưa giấy vay về cho Ph ký, nên không đủ căn cứ xử lý với vai trò đồng phạm.

Đối với hành vi của bà Trần Thị Đ cho Võ Thị B vay tiền với lãi suất 4.000 đồng – 30.000 đồng/ 1.000.0000 đồng/ ngày: đã bị xử lý trong vụ án khác (*theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 15/QĐ-CSĐT ngày 01/02/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong*) nên không tiếp tục đề cập, giải quyết trong vụ án.

Đối với Đặng Thị Sen cho Võ Thị B vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày (*tương đương với lãi suất 180%/ năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất pháp luật cho phép*) và thu lợi bất chính số tiền 6.500.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan CSĐT Công an huyện chuyển hồ sơ, đề nghị Chủ tịch UBND huyện xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là đúng quy định.

[9]. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thị B phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.1 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Võ Thị B 4 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Võ Thị B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số seri R58M2123TC2.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/8/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glong).

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong ra Quyết định xử lý vật chứng số 552/QĐ-CQĐT ngày 01/7/2024 trả lại các đồ vật, tài liệu không liên quan đến vụ án cho bà Hứa Tú K.

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Võ Thị B phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được

quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Glong;*
- *Công an huyện Đắk Glong;*
- *Chi cục THA huyện Đắk Glong;*
- *Bị cáo;*
- *Người có QL&NV liên quan;*
- *Lưu HSVA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong